

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSPT

Ngày 16/3/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang
Ông Ngô Chiu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm
2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số
19/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị
kháng cáo; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐPT-DS ngày 15
tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-PT ngày 28
tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn T, xã
A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn T, xã A,
huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H2 – sinh
năm 1990; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Yên (GUQ ký ngày
14/3/2022). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Anh D – sinh năm
1976; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2021, tôi có cho bà Nguyễn Thị H1 mượn tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 25/01/2021, cho mượn 300.000.000 đồng; Ngày 27/01/2021, cho mượn 200.000.000 đồng. Cả hai lần mượn trên đều có giấy mượn tiền được bà H1 lần dấu vân tay vào.

Ngày 07/5/2021, bà H1 tiếp tục mượn số tiền 60.000.000 đồng (không lập giấy tờ nhưng được bà H1 thừa nhận và bà H ghi âm được).

Tổng 03 lần mượn là 560.000.000 đồng, mục đích cho mượn là để bà H1 làm ăn, tổng số tiền cho mượn trên là tài sản riêng của tôi, chồng tôi anh Võ Văn D không biết và không liên quan gì. Từ khi cho mượn đến nay bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tôi yêu cầu bà H1 phải trả nợ cho tôi toàn bộ số tiền gốc 560.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Tôi thừa nhận vào năm 2021 có mượn tiền của chị H nhiều lần cụ thể:

-Ngày 25/01/2021 mượn 300.000.000 đồng;

-Ngày 27/01/2021 mượn 200.000.000 đồng;

Cả hai lần mượn đều có giấy mượn tiền kèm theo và tôi có lần dấu vân tay vào hai giấy mượn tiền trên, đây là khoản nợ riêng của tôi, chồng tôi không liên quan gì, cá nhân tôi chịu trách nhiệm đối với khoản nợ trên. Tuy nhiên, trước đây tôi đã trả xong cho chị H 500.000.000 đồng, theo thời gian cụ thể: ngày 25/7/2020 đến ngày 25/12/2020 cứ mỗi tháng trả 50.000.000 đồng x 06 tháng = 300.000.000 đồng; ngày 25/02/2021 đến ngày 25/5/2021 cứ mỗi tháng trả 50.000.000 đồng x 04 tháng = 200.000.000 đồng lúc trả tôi không lập giấy tờ gì. Riêng số tiền 60.000.000 đồng mà chị H yêu cầu là tôi không đồng ý, vì tôi không mượn số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D (chồng của nguyên đơn Nguyễn Thị H), tại đơn ngày 28/10/2021 trình bày: Năm 2021, vợ tôi cho chị H1 mượn tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 25/01/2021 cho mượn 300.000.000 đồng; Ngày 27/01/2021 cho mượn 200.000.000 đồng. Cả hai lần mượn trên đều có giấy mượn tiền kèm theo và được bà H1 lần dấu vân tay vào hai giấy mượn tiền trên; Ngày 07/5/2021 bà H1 tiếp tục mượn số tiền 60.000.000 đồng, lần này không lập giấy tờ gì. Tổng cộng 03 lần mượn là 560.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên là tài sản riêng của vợ tôi, vì thời điểm cho mượn chỉ vợ tôi ký vào giấy cho mượn, bản thân tôi không liên quan và không có ý kiến gì. Nay vợ tôi khởi kiện chị H1 liên quan đến số tiền trên thì do vợ tôi quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DSST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 463, 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 10/11/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: các thành viên HĐXX, Thẩm tra viên trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, thấy rằng:

- Đối với số tiền: 500.000.000đ: Căn cứ vào giấy mượn tiền ghi ngày 25/01/2021, số tiền 300.000.000đ, ngày 27/01/2021 số tiền 200.000.000đ có dấu lăn tay của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà H1 đều thừa nhận dấu lăn tay là của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 thừa nhận có mượn số tiền trên nhưng cho rằng mình đã trả xong nên không còn nợ bà H, nhưng trong quá trình tố tụng bà H1 không cung cấp được giấy trả nợ và cũng không được bà H thừa nhận đã trả xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cho rằng bà H gọi bà tới nhà chơi, vào phòng ngủ của bà H, hai cô cháu nằm nói chuyện thì bà H ép buộc bà lăn tay vào 02 – 03 tờ giấy gì đó, ngoài ra còn ép bà lăn tay vào 02 – 03 tờ giấy tại nhà bà Liêm, việc bà H có hành vi ép buộc bà lăn tay vào các giấy mượn tiền xuất phát từ việc giữa bà và bà H có quan hệ ghi số

đề, bà H tự ý ghi số cho bà, do bà không biết chữ, nghe bà H nói ghi số sẽ có tiền nên đồng ý cho bà H ghi, bà H tới nhà bà H1 đe dọa giết cả nhà bà H1, đánh đập bà H1, gia đình đã báo Công an nhưng chưa được giải quyết, biên bản hòa giải tại Tòa bà không được nghe đọc lại nên bà lãn tay nhưng không biết nội dung. HĐXX thấy rằng, sau khi công bố các lời khai của bà H1 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/11/2021, bà H1 không giải thích được lý do tại sao có lời khai đó, ngoài lời trình bày thì bà không có tài liệu nào chứng minh việc bà bị bà H đe dọa, cưỡng ép lãn tay vào các giấy nhận nợ cũng như việc ghi số đề, không chứng minh được việc mình không nhận số tiền vay theo 02 giấy nhận nợ nguyên đơn cung cấp. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền 500.000.000đ là có căn cứ như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

-Đối với số tiền 60.000.000đ: Bà H1 không thừa nhận có vay của bà H, nên không đồng ý trả. Tuy rằng đối với khoản nợ này hai bên không lập văn bản để xác nhận nhưng tại cấp sơ thẩm tiền Hòa giải ngày 29.10.2021 bà H1 đã thừa nhận có mượn số tiền 60.000.000đ. Tại cấp phúc thẩm, bà H1 không thừa nhận khoản mượn này nhưng tại đơn kháng cáo bổ sung bà H1 có nêu “về số tiền 60.000.000đ bị bà H dụ dỗ vay tiền, tôi chỉ trả lãi cho bà H 02 ngày với số tiền 2.400.000đ, sau đó không còn tiền nên không đóng lãi nữa”. Lời khai của bà H1 tại phiên hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, tại đơn kháng cáo bổ sung và tại phiên tòa phúc thẩm đều tự mâu thuẫn nhau, bà H1 không giải thích được lý do của việc mâu thuẫn này. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H1 số tiền 60.000.000đ, chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa buộc bà H1 trả nợ cho bà H số tiền 60.000.000đ như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều Điều 463,465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền **560.000.000đ** (Năm trăm sáu chục triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 26.400.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí DSPT nhưng được trừ số tiền 300.000đ án phí bà H1 đã tạm nộp tại biên lai số 3793 ngày 17.11.2021 tại chi cục THADS huyện T, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 26.400.000đ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Huyện T
- ,-THADS Huyện T
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

